

## PHONG TRÀO THÔNG THIÊN HỌC Ở VIỆT NAM THẾ KỶ XX

*Tóm tắt:* Thông Thiên học là phong trào tôn giáo hoạt động mạnh mẽ ở miền Nam Việt Nam trong 50 năm. Hội Thông thiên học Việt Nam là một xứ bộ của Hội Thông thiên học Quốc tế với 23 chi bộ từng hoạt động. Họ đã để lại nhiều di sản cho văn hóa dân tộc cũng như trong kỷ ức của nhiều người. Sau hơn nửa thế kỷ vắng bóng, Thông thiên học gần như bị lãng quên tại Việt Nam. Cũng chính vì thế, phong trào này đến nay vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Bài viết này trình bày khái quát về lịch sử Hội Thông thiên học ở Việt Nam và coi đó là một sự khởi đầu cho những nghiên cứu sâu hơn, đồng thời cũng là một cách đánh giá khách quan về những giá trị mà phong trào này đã từng tạo nên.

*Từ khóa:* Thông thiên học; tôn giáo; Nam Bộ.

### Giới thiệu

Ra đời từ cuối thế kỷ XIX, *Theosophy* là một phong trào tôn giáo có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Ở Việt Nam, những hoạt động của nó xuất hiện từ thập niên 1920 và phát triển đến thập niên 1970, với tên gọi là Thông thiên học. Không chỉ dừng lại ở một phong trào, Thông thiên học tại Việt Nam đã hình thành nên tổ chức hợp pháp là Hội Thông thiên học Việt Nam. Họ đã tổ chức nhiều hoạt động tâm linh và hoạt động thể tục khá đa dạng, sôi nổi, thu hút nhiều đối tượng tham gia. Sau năm 1975, do bối cảnh chính trị phức tạp buổi giao thời, Hội Thông thiên học Việt Nam không được tiếp tục hoạt động. Song, không thể phủ nhận phong trào này đã để lại không ít di sản về tinh thần cũng như vật chất ở nhiều địa phương. Đến nay, sau hơn nửa thế kỷ vắng bóng, Thông thiên học gần như bị lãng quên tại Việt Nam.

---

\* Thôn Bình Hòa, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày nhận bài: 30/6/2021; Ngày biên tập: 30/8/2021; Duyệt đăng: 19/10/2021.

Khi nghiên cứu về Thông thiên học, nguồn tài liệu hiện có ở Việt Nam không nhiều. Trong đó, các tài liệu viết bằng tiếng Việt chủ yếu gồm hai nhóm chính là các tác phẩm truyền bá tư tưởng Thông thiên học và các báo cáo hoạt động của Hội Thông thiên học Việt Nam.

Các tác phẩm truyền bá tư tưởng có nội dung chính xoay quanh các vấn đề tâm linh và phương pháp tu tập. Chúng chỉ trình bày tư tưởng Thông thiên học một cách phổ quát, hiếm khi đề cập đến lịch sử hoạt động của Hội Thông thiên học Việt Nam. Các báo cáo là văn bản thường kỳ mà Hội Thông thiên học Việt Nam gửi đến Hội Thông thiên học Quốc tế, cung cấp thông tin về hoạt động của Hội qua từng nhiệm kỳ và dừng lại trong giới hạn dữ liệu thô của văn bản hành chính. Qua hai nguồn tài liệu trên, có thể thấy nghiên cứu về những hoạt động của phong trào Thông thiên học ở Việt Nam là vấn đề vẫn còn bỏ ngỏ.

### **1. Khái quát về Thông thiên học**

Thuật ngữ “Theosophy” có nguồn gốc từ chữ Hy Lạp là “Theosophia”, cấu tạo bởi hai thành tố là “theos” (thần thánh) và “sophia” (trí tuệ). Do vậy, thuật ngữ này còn được người Việt Nam dịch là “Minh triết thiêng liêng” hoặc “Thuyết thần trí”. Song, từ buổi đầu mới du nhập vào Việt Nam, thuật ngữ này đã được dịch là “Thông thiên học” (học thuyết thông suốt cõi trời). Mặc dù đây là cách dịch chưa chuẩn xác, nhưng do sau đó các tổ chức, như: chi bộ, xứ bộ, hội... của Theosophy ở Việt Nam đều được gọi là Thông thiên học, nên Thông thiên học trở thành danh xưng chính thức tại Việt Nam.

Hội Thông thiên học (The Theosophical Society) ra đời tại New York (Mỹ) vào ngày 17/11/1875. Người sáng lập là bà Helena Petrovna Blavatsky (người Nga) và ông Henry Stell Olcott (người Mỹ), cùng với sự tham gia của nhiều thành viên đồng sáng lập khác. Từ năm 1889, Hội Thông thiên học chính thức đặt trụ sở tại khu phố Adyar, thành phố Madras (từ năm 1996 đổi tên thành Chennai), bang Tamil Nadu, Ấn Độ.

Chủ trương của Hội là kết nối những người có nguyện vọng tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến năng lực kỳ bí của con người, khả năng giao tiếp với thế giới bên kia, sự sống sau cái chết,... để cùng

nhau suu tâm và truyền bá những tri thức của các tôn giáo. Người theo Thông thiên học cho rằng cái gọi là “Minh triết thiêng liêng” là nền tảng căn bản của các tôn giáo đã được nhân loại biết đến, là tất cả những gì mà các vị giáo chủ trong quá khứ từng truyền dạy. Do vậy, Hội Thông thiên học có nhiệm vụ “căn cứ vào các chân lý vĩnh cửu để hòa giải tất cả các tôn giáo, môn phái, tất cả các quốc gia bằng một hệ thống luân lý chung”<sup>1</sup>.

Với định hướng đó, Hội Thông thiên học chấp nhận mọi thành viên đến từ bất kỳ tôn giáo nào hoặc không theo tôn giáo, trên tinh thần hòa hợp không phân biệt. Người tham gia phải chấp nhận ba tôn chỉ của Hội là: (1) Tạo một tinh huynh đệ đại đồng, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, phái tính, giai cấp hay màu da. (2) Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học. (3) Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người. Hội đặt ra phương châm: “Không tôn giáo nào cao hơn chân lý” (There is no religion higher than truth). Phương châm này được thể hiện trên biểu tượng của hội.

Cựu Phó Chủ tịch Hội Thông thiên học John Algeo<sup>2</sup> cho rằng: “Minh triết thiêng liêng không ràng buộc một cá nhân vào bất cứ một niềm tin hay tín ngưỡng tôn giáo đặc biệt nào, nhưng nó cống hiến cho sự tìm tòi sâu xa, không ngừng nghỉ của nhân loại về ý nghĩa và sự toàn vẹn của sự sống theo một đường lối không giáo điều độc đoán. Các tôn giáo trên thế giới đưa ra những phương pháp cho sự tìm tòi này, vì thế cũng là đối tượng cho sự nghiên cứu Minh triết thiêng liêng”.

Nhìn chung, tư tưởng của Thông thiên học phát triển từ sự thịnh hành của Thần linh học ở Mỹ, trộn lẫn với chủ nghĩa thần bí Tân Platon, các yếu tố khác trong truyền thống bí truyền phương Tây, các ý tưởng từ Ấn giáo và Phật giáo...<sup>3</sup>. Bởi lẽ, sự ra đời của Hội Thông thiên học nảy sinh từ nguyên nhân sâu xa là trào lưu tìm hiểu về các tôn giáo phương Đông đang nở rộ ở phương Tây cuối thế kỷ XIX. Trong giai đoạn đầu, Hội Thông thiên học đã có nhiều đóng góp trong phong trào phục hưng và truyền bá Phật giáo trên thế giới.

Tuy các nhà sáng lập Thông thiên học tỏ ra hứng thú với Phật giáo, nhưng họ vẫn chấp nhận niềm tin và thực hành Ấn giáo, đồng thời vốn

đã sẵn có đức tin Kitô giáo từ trước. Do đó, họ vẫn tin tưởng về sự tồn tại của một thực thể tối cao - điều không được chấp nhận trong Phật giáo. Peter Harvey nhận xét: “Thực tại tối thượng được thấy nhiều ở những thuật ngữ Ấn giáo hơn Phật giáo: tất cả chúng sinh được xem là có chứa một cái ngã (Ātman) bên trong, nó là một phần của cái ngã chung hay Phạm Thiên (Brahman)”<sup>4</sup>.

## **2. Những hoạt động ban đầu của Thông thiên học ở Việt Nam**

Hội viên Thông thiên học người Việt Nam đầu tiên là ông Phạm Ngọc Đa (1900-1980), đạo hiệu Bạch Liên, ở quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang). Thời trẻ, ông thích đọc các loại sách về tôn giáo, rồi tình cờ biết đến Thông thiên học. Cuối năm 1924, ông gửi đơn xin gia nhập Hội Thông thiên học Pháp và chính thức trở thành hội viên vào đầu năm 1925.

Các tác phẩm Thông thiên học truyền bá vào Việt Nam thời đó viết bằng tiếng Pháp, nên chỉ nhận được sự chú ý từ một bộ phận nhỏ trí thức biết tiếng Pháp. Năm 1927, người thứ hai vào Hội Thông Thiên học Pháp là ông Huỳnh Bá Nhuệ (1908-1980), đạo hiệu Bạch Ngọc, ở làng Bình Thủy, quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang).

Năm 1928, một kỹ sư người Pháp là Georges Raimond từ Paris đến Sài Gòn làm việc. Ông là hội viên Thông thiên học, nên trong chuyến đi này ông còn mang nhiệm vụ liên lạc với các hội viên Việt Nam. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ đã diễn ra tại Châu Đốc để bàn bạc về việc thành lập chi bộ Thông thiên học. Georges Raimond được các hội viên đề cử làm người đại diện chi bộ, vì ông là người Pháp nên sẽ ít bị chính quyền gây khó dễ<sup>5</sup>. Ngày 10/10/1928, chi bộ Thông thiên học ra đời tại Sài Gòn lấy tên là Branch Cochinchine.

Thời gian đầu, nhà cầm quyền Nam Kỳ không ngăn cấm hoạt động của Thông thiên học. Chi bộ Branch Cochinchine đã tổ chức nhiều buổi thuyết giảng về tôn giáo, thu hút được một số công chức tham gia. Tuy nhiên sau đó, đơn xin thành lập chính thức bị chính quyền thuộc địa Pháp từ chối. Người Pháp “lo sợ cả về những chi nhánh quốc tế của Hội Thông thiên học ở Nam Kỳ, lẫn chiều kích dân tộc chủ nghĩa trong các buổi diễn thuyết, có thể đưa đến những yêu sách

của phong trào độc lập non trẻ ở Việt Nam”<sup>6</sup>. Năm 1930, Georges Raimond trở về Pháp nên chi bộ ngừng hoạt động.

Ngày 9/10/1934, chi bộ Leadbeater ra đời, trở thành chi bộ đầu tiên được thành lập chính thức tại Việt Nam, trực thuộc xứ bộ Pháp. Chi bộ lấy tên một thành viên nổi bật của Hội Thông thiên học Quốc tế vừa mới qua đời là ông Charles Webster Leadbeater (1854-1934). Trước đó vào năm 1929, ông từng sang Việt Nam thăm chi bộ Branch Cochinchine ở Sài Gòn. Năm 1936, chi bộ tiếp theo được thành lập tại Bạc Liêu mang tên là Le Serviteur.

Để truyền bá giáo lý, chi bộ Leadbeater xuất bản tờ *Niết Bàn tạp chí*. Tạp chí ra từ năm 1933 đến nay 1938, mỗi tháng 2 kỳ, cả thảy được 93 số<sup>7</sup>. Năm 1940, do tình hình Thế chiến thứ Hai, Hội Thông Thiên học Pháp tạm đóng cửa, hai chi bộ ở Việt Nam cũng dừng hoạt động. Đến năm 1948 chỉ có chi bộ Leadbeater hoạt động trở lại, sang năm sau thì tách khỏi Xứ bộ Pháp và trực thuộc Hội Thông thiên học Quốc tế, đổi tên thành chi bộ Việt Nam. Trong năm 1948, 1949, *Niết Bàn tạp chí* phát hành trở lại, ra được 15 số.

Năm 1951, ông Phạm Ngọc Đa được Hội trưởng Hội Thông thiên học Quốc tế Jinarajadasa tặng một cây bồ đề con, chiết từ gốc cổ thụ mà Đức Phật Thích Ca từng ngồi thiền đắc đạo ở Bồ Đề đạo tràng Ấn Độ. Tỉnh trưởng Châu Đốc Đặng Văn Lý đã cấp một mảnh đất ở trung tâm tỉnh lỵ để trồng cây. Nơi đó cũng được gọi là Bồ Đề đạo tràng, ngày nay vẫn còn tồn tại ở trung tâm thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Nhìn chung, khi đánh giá về Thông thiên học thời đó, từ góc nhìn của người bên ngoài, Huỳnh Minh cho rằng: “Người Thông thiên học phần nhiều trường chay, đời sống vẫn tích cực hoạt động hằng ngày, có một tinh thần rộng rãi, không sắc tướng, bên trong ẩn một tâm hồn trong sạch, lúc nào cũng học hỏi để tiến hóa, cách mạng bản thân, âm thầm làm việc, lập công bồi đức, giúp đời tùy theo khả năng và phương tiện của mình. Đó là những điều mà người Thông thiên học đang cố gắng tu tập và thực hành”<sup>8</sup>.

Từ khi Thông thiên học hoạt động trở lại ở Việt Nam vào 1948 đến năm 1952 đã có 7 chi bộ lần lượt ra đời với 160 hội viên.

**Bảng 1. Danh sách các chi bộ Thông thiên học tại Việt Nam (1948-1952)**

STT	TÊN CHI BỘ	NĂM	ĐỊA PHƯƠNG	GHI CHÚ
1	Việt Nam	1934	Sài Gòn	Chi bộ Leadbeater đổi tên 1950. Giải thể 1968
2	Kiên Ái	1952	Bàn Cờ (Sài Gòn)	
3	Phụng Sự	1952	Sài Gòn	
4	Dưới Chân Thầy	1952	Vĩnh Long	
5	Long Xuyên	1952	Long Xuyên	
6	An Giang	1952	Châu Đốc	
7	Bác Ái	1952	Tân Châu (Châu Đốc)	

Do đó, Xứ bộ Thông Thiên học Việt Nam được thành lập.

### 3. Xứ bộ Thông thiên học Việt Nam

Cuối năm 1952, Hội Thông thiên học Quốc tế ký quyết định công nhận thành lập Xứ bộ Thông thiên học Việt Nam, đồng thời Chính phủ Quốc gia Việt Nam ra nghị định cho phép Hội Thông thiên học Việt Nam hoạt động. Trụ sở trung ương đặt tại số 466 đường Võ Di Nguy, quận Phú Nhuận, Sài Gòn (nay là trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Phú Nhuận, số 466 đường Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh). Công trình do kiến trúc sư Nguyễn Mạnh Bảo thiết kế với các bộ phận chính như giảng đường, thiên đường, thư viện,...

Ban Giám đốc Xứ bộ nhiệm kỳ đầu tiên (1952 - 1954) do ông Phạm Ngọc Đa làm Hội trưởng, ông Mai Thọ Truyền làm Phó Hội trưởng và ông Nguyễn Văn Lượng làm Tổng Thư ký. Sau đó, ông Phạm Ngọc Đa tái đắc cử Hội trưởng nhiệm kỳ 1955 - 1957. Năm 1953, ông Phạm Ngọc Đa là người sáng lập và hiệu trưởng đầu tiên của Trường Trung học Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc), nên khi hết nhiệm kỳ thứ hai, ông xin rút khỏi Ban Giám đốc Xứ bộ để tập trung cho công tác giáo dục.

Một nhận định có phần thi vị nhưng hết sức chính xác: “Nếu từ năm 1928 đến năm 1952, những người đi trước đã ra sức khai khẩn đất để gieo giống, thì giai đoạn tiếp theo từ năm 1952 đến năm 1975 là thời kỳ trồng trọt. Phong trào Thông thiên học trở nên tích cực ở Việt Nam khi xứ bộ non trẻ bắt đầu hoạt động. Thông thiên học nhanh chóng lan rộng trong xã hội, vì Việt Nam là một nước nhỏ, và cũng bởi giáo lý đạo Phật đã chuẩn bị cho mọi người dễ dàng chấp nhận các quan niệm Thông thiên học”<sup>9</sup>.

Quả thật như thế, Xứ bộ Việt Nam từng bước đi vào ổn định, các hoạt động truyền bá Thông thiên học có điều kiện triển khai mạnh mẽ hơn. Tại trụ sở xứ bộ và các chi bộ, nhiều buổi diễn thuyết được tổ chức thường xuyên với các chủ đề đa dạng xoay quanh đời sống tâm linh, thu hút đông đảo người tham dự. Năm 1953, Hội thành lập *Cô nhi viện Thông Thiên học* ở số 462 đường Võ Di Nguy, quận Phú Nhuận, Sài Gòn. Trong giai đoạn 1953 - 1954, tạp chí *Đạo học* là cơ quan ngôn luận của hội, phát hành được 33 số.

Các hoạt động nở rộ tại miền Nam Việt Nam đã giúp Thông thiên học đón nhận thêm nhiều hội viên mới. Tính đến năm 1954, xứ bộ vẫn có 7 chi bộ như năm 1952, nhưng số hội viên đã tăng từ 160 lên 268. Từ năm 1955 đến năm 1975, nhiều chi bộ mới được thành lập.

**Bảng 2. Danh sách các chi bộ Thông thiên học tại Việt Nam (1955-1975)**

Stt	Tên chi bộ	Năm	Địa phương	Ghi chú
8	Chơn Lý	1955	Huế	
9	Nhơn Ái	1955	Sóc Trăng	Giải thể 1968
10	Sài Gòn	1956	Sài Gòn	
11	Leadbeater	1956	Phú Nhuận (Sài Gòn)	Thành lập mới nhưng lấy lại tên chi bộ đầu tiên. Giải thể 1968.
12	Dung Hạnh	1958	Sài Gòn	
13	Bát Nhã	1959	Vĩnh Long	Giải thể 1968
14	Gò Công	1959	Gò Công	
15	Từ Bi	1963	Tân Định (Sài Gòn)	

16	Minh Triết	1963	Phú Nhuận (Sài Gòn)	
17	Vũng Tàu	1967	Vũng Tàu	
18	Kiên Giang	1970	Rạch Giá	
19	Định Tường	1970	Mỹ Tho	
20	Bồ Đề	1972	Phú Thọ (Sài Gòn)	
21	Ý Chí	1972	Cà Mau	
22	Việt Nam	1973	Sài Gòn	Tái lập từ chi bộ đã giải thể 1968.
23	Huỳnh Đệ	1974	Cần Thơ	

Hội phát hành tạp chí *Tìm hiểu Thông thiên học* từ năm 1954 đến năm 1965 ra được 112 số. Các hội viên chủ chốt của hội cũng tham gia biên soạn và dịch thuật nhiều tác phẩm về Thông thiên học và các tôn giáo khác, được xuất bản với số lượng lớn. Tại từng chi bộ, nhiều loại sách, tạp chí, đặc san, kỷ yếu... được phát hành thường xuyên. Ngoài ra, các chi bộ cũng tích cực trong các hoạt động cứu trợ nạn nhân thiên tai, quyên góp ủng hộ người tị nạn, chăm sóc trẻ mồ côi, tu sửa các di tích...

Năm 1964, hội xây dựng *Trung tâm Djwal Kul* ở Đà Lạt, dự kiến sẽ là trụ sở của chi bộ được thành lập ở thị xã này trong tương lai (hiện nay, ở Đà Lạt vẫn còn một con đường mang tên là đường Thông Thiên Học). Năm 1967, chi bộ Kiên Ái xây dựng *Thanh Tâm đạo viện* tại Vũng Tàu (nằm trên sườn núi Lớn ven bãi Dâu) và đã tổ chức các khóa học mùa hè, thu hút đông đảo giới trẻ<sup>10</sup>.

Trừ các chi bộ giải thể, tính đến năm 1975, Hội Thông thiên học Việt Nam có 19 chi bộ hoạt động với 1.338 hội viên. Sau ông Phạm Ngọc Đa, hai người tiếp theo lần lượt đảm nhiệm chức vụ Hội trưởng là bà Phạm Thị Hai (nhiệm kỳ 1958 - 1966 và nhiệm kỳ 1970 - 1973), bà Lưu Thị Dậu (nhiệm kỳ 1967 - 1969 và nhiệm kỳ 1974 - 1983).

Thông thiên học là tổ chức mang tính quốc tế, Xứ bộ Việt Nam giữ liên lạc với Hội Thông thiên học Quốc tế và gắn kết với những hoạt động của tổ chức này. Từ năm 1975, trong bối cảnh xã hội Việt Nam chưa ổn định sau chiến tranh, Thông thiên học trở thành đối tượng mà chế độ mới nghi ngờ bởi lẽ “Hội Thông Thiên Học có thể đã được xác

định là một tổ chức quốc tế và từ thiện, có khả năng hoạt động như một điểm tập hợp cho những công chúng khác nhau, và đôi khi là những nhân vật chính trị và tôn giáo”<sup>11</sup>.

Do đó, các hoạt động của tổ chức này đã bị nhà cầm quyền hạn chế tối đa, Hội Thông thiên học Việt Nam chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Đến năm 1983, Thông thiên học bị buộc ngừng hoạt động ở Việt Nam, trụ sở trung ương bị trưng dụng. “Xứ bộ Việt Nam tuy chết trẻ, nhưng trong cuộc đời ngắn ngủi của nó đã làm được rất nhiều điều. Nó đã để lại một di sản mạnh mẽ dưới dạng một khối lượng lớn tài liệu Thông thiên học, các quan niệm Thông thiên học nổi tiếng trong xã hội, và hơn hết là những người làm việc tận tụy”<sup>12</sup>.

### Lời kết

Thông Thiên học đã không hoạt động ở Việt Nam từ năm 1983 đến nay. Song, không thể phủ nhận Thông thiên học đã tạo nên một phong trào mạnh mẽ trong suốt nửa thế kỷ, từ thập niên 1920 đến thập niên 1970. Không chỉ thế, họ đã để lại những di sản tinh thần và vật chất, mà không ít trong số chúng vẫn còn tồn tại đến nay (hàng chục tác phẩm viết về tôn giáo, những công trình kiến trúc, những cây bồ đề mang về từ Ấn Độ, tên đường...), thậm chí là di sản ký ức với những hoài niệm xa xăm của nhiều người lớn tuổi. Nếu không kịp thời có những nghiên cứu về phong trào này, sẽ có ngày người Việt Nam không còn biết về một tổ chức tôn giáo đã từng hoạt động sôi nổi suốt năm mươi năm như thế.

Xin được mượn ý kiến của tác giả Huỳnh Minh để thay lời kết : “Thông thiên học tuy không hình thức hóa bên ngoài, nhưng bên trong vẫn thờ Đấng tối cao là Thượng đế, hướng dẫn con người chung sống trong tình huynh đệ đại đồng, hòa hợp con người với Đấng tối cao mà các tôn giáo đang sùng kính. Giáo lý Thông thiên học ra đời là một tiếng chuông trong những tiếng chuông cảnh tỉnh giúp đỡ cho thế nhân, đã và đang đắm mình trong bể tục, xoa dịu và an ủi cho đời bớt phần đau khổ, trở về với lẽ sống an vui và tiến hóa”<sup>13</sup>. /.

**CHÚ THÍCH:**

- 1 H. P. Blavatsky (2005), *Chìa khóa Thông thiên học*, Thanh Nguyên dịch, Nhóm Hội viên Thông thiên học Hải Ngoại xuất bản, tr. 6.
- 2 John Algeo (2012), *Minh triết thiêng liêng - Bài học khởi đầu*, Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona dịch, Trung tâm Nghiên cứu Minh triết thiêng liêng Houston xuất bản, tr. 12.
- 3 Peter Harvey (1990), *Introduction to Buddhism*, Cambridge University Press, pp. 420-421.
- 4 Peter Harvey (1990), *Introduction to Buddhism*, Sđd, tr. 421.
- 5 Bạch Liên (2009), “Lịch sử Hội Thông thiên học Việt Nam - Phần I”, *Website Phụng sự Theosophia* ([www.phungsutheosophia.org](http://www.phungsutheosophia.org)).
- 6 Jeremy Jammes (2020), “Theosophying the Vietnamese religious landscape: A circulatory history of a western esoteric movement in South Vietnam”, trong Hans Martin Krämer & Julian Strube biên tập, *Theosophy across Boundaries*, State University of New York Press, Chương 3.
- 7 Thích Giác Toàn (2016), *Lược sử báo chí Phật giáo Việt Nam*, Tài liệu giảng dạy tại Học viện Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh, tr. 13.
- 8 Huỳnh Minh (1967), *Vĩnh Long xưa và nay*, Nxb. Cánh Bàng, tr. 303.
- 9 Van Tinh Vo Nguyen (2020), “Theosophy in Vietnam”, *Website Theosophy World* ([www.theosophy.world](http://www.theosophy.world)).
- 10 François Mylne (2009), “Lịch sử Hội Thông thiên học Việt Nam - Phần II”, *Website Phụng sự Theosophia* ([www.phungsutheosophia.org](http://www.phungsutheosophia.org)).
- 11 Jeremy Jammes (2020), “Theosophying the Vietnamese religious landscape: A circulatory history of a western esoteric movement in South Vietnam”, Sđd, Chương 3.
- 12 Van Tinh Vo Nguyen (2020), “Theosophy in Vietnam”, *Website Theosophy World* ([www.theosophy.world](http://www.theosophy.world)).
- 13 Huỳnh Minh (1967), *Vĩnh Long xưa và nay*, tr. 303.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bạch Liên (2009), “Lịch sử Hội Thông thiên học Việt Nam - Phần I”, *Website Phụng sự Theosophia* ([www.phungsutheosophia.org](http://www.phungsutheosophia.org)).
2. François Mylne (2009), “Lịch sử Hội Thông thiên học Việt Nam - Phần II”, *Website Phụng sự Theosophia* ([www.phungsutheosophia.org](http://www.phungsutheosophia.org)).
3. H. P. Blavatsky (2005), *Chìa khóa Thông thiên học*, Thanh Nguyên dịch, Nhóm Hội viên Thông thiên học Hải Ngoại xuất bản.
4. Huỳnh Minh (1967), *Vĩnh Long xưa và nay*, Nxb. Cánh Bàng.
5. Jeremy Jammes (2020), “Theosophying the Vietnamese religious landscape: A circulatory history of a western esoteric movement in South Vietnam”, trong Hans Martin Krämer & Julian Strube biên tập, *Theosophy across Boundaries*, State University of New York Press.

6. John Algeo (2012), *Minh triết thiên liêng - Bài học khởi đầu*, Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona dịch, Trung tâm Nghiên cứu Minh triết thiên liêng Houston xuất bản.
7. Peter Harvey (1990), *Introduction to Buddhism*, Cambridge University Press.
8. Thích Giác Toàn (2016), *Lược sử báo chí Phật giáo Việt Nam*, Tài liệu giảng dạy tại Học viện Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh.
9. Van Tinh Vo Nguyen (2020), "Theosophy in Vietnam", *Website Theosophy World* ([www.theosophy.world](http://www.theosophy.world)).

## **Abstract**

### **THE THEOSOPHY MOVEMENT IN VIETNAM IN 20<sup>th</sup> CENTURY**

**Huynh Le Trieu Phu**  
*An Giang province*

Theosophy is a religious movement that has been active in South Vietnam for 50 years. The Vietnam Theosophical Society is a division of the International Theosophical Society with 23 branches each operating. They have left many legacies for the national culture as well as in the memory of many people. After more than half a century of absence, Theosophy was almost forgotten in Vietnam. Therefore, this movement has not been fully studied yet. This article presents an overview of the history of the Theosophical Society in Vietnam and considers it a starting point for further research, as well as an objective assessment of the values that this movement holds. ever created.

**Keywords:** Theosophy; religion; Southern.